



U THỰC QUẢN

BS.TRẦN MINH ĐÚNG

HÀNH CHÍNH



- BỆNH NHÂN : NAM 57 TUỔI
- ĐỊA CHỈ : HÀM TÂN , BÌNH THUẬN
- NGHỀ NGHIỆP : LÀM RUỘNG
- ĐẾN KHÁM 21/2/2023

LÝ DO ĐẾN KHÁM



- ĂN KHÔNG NUỐT ĐƯỢC

BỆNH SỬ



- # 10 NGÀY , BỆNH NHÂN KHÔNG NUỐT ĐƯỢC THỨC ĂN ĐẶC , CHỈ UỐNG ĐƯỢC NƯỚC VÀ SỮA MỖI LẦN 1 ÍT
- BỆNH NHÂN ĐAU , NGHẸN 1/3 TRÊN BÊN P THỰC QUẢN, KHÔNG SỐT
- TRƯỚC ĐÓ BỆNH NHÂN ĂN UỐNG BÌNH THƯỜNG , KHÔNG NGHẸN
- -> KHÁM TỔNG QUÁT

TIỀN CĂN



- BẢN THÂN : KHÔNG BỎNG THỰC QUẢN,
KHÔNG MẮC BỆNH TRƯỚC ĐÓ
- GIA ĐÌNH KHÔNG MẮC BỆNH

CHỈ ĐỊNH

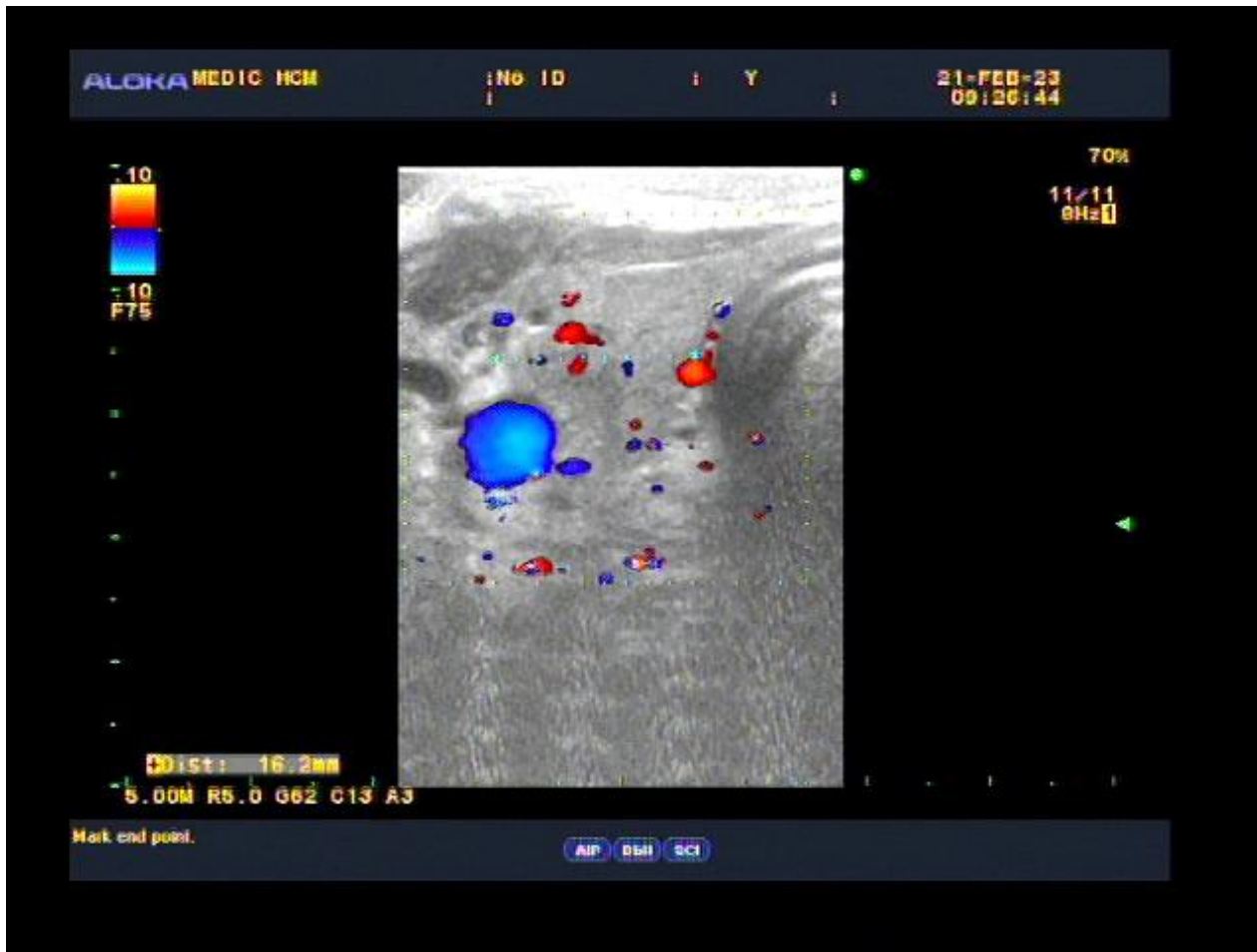


- XÉT NGHIỆM
- SIÊU ÂM: BỤNG , CỔ, TIM
- XQ PHỔI THẲNG, ECG, NỘI SOI THỰC QUẢN
DẠ DÀY TÁ TRÀNG

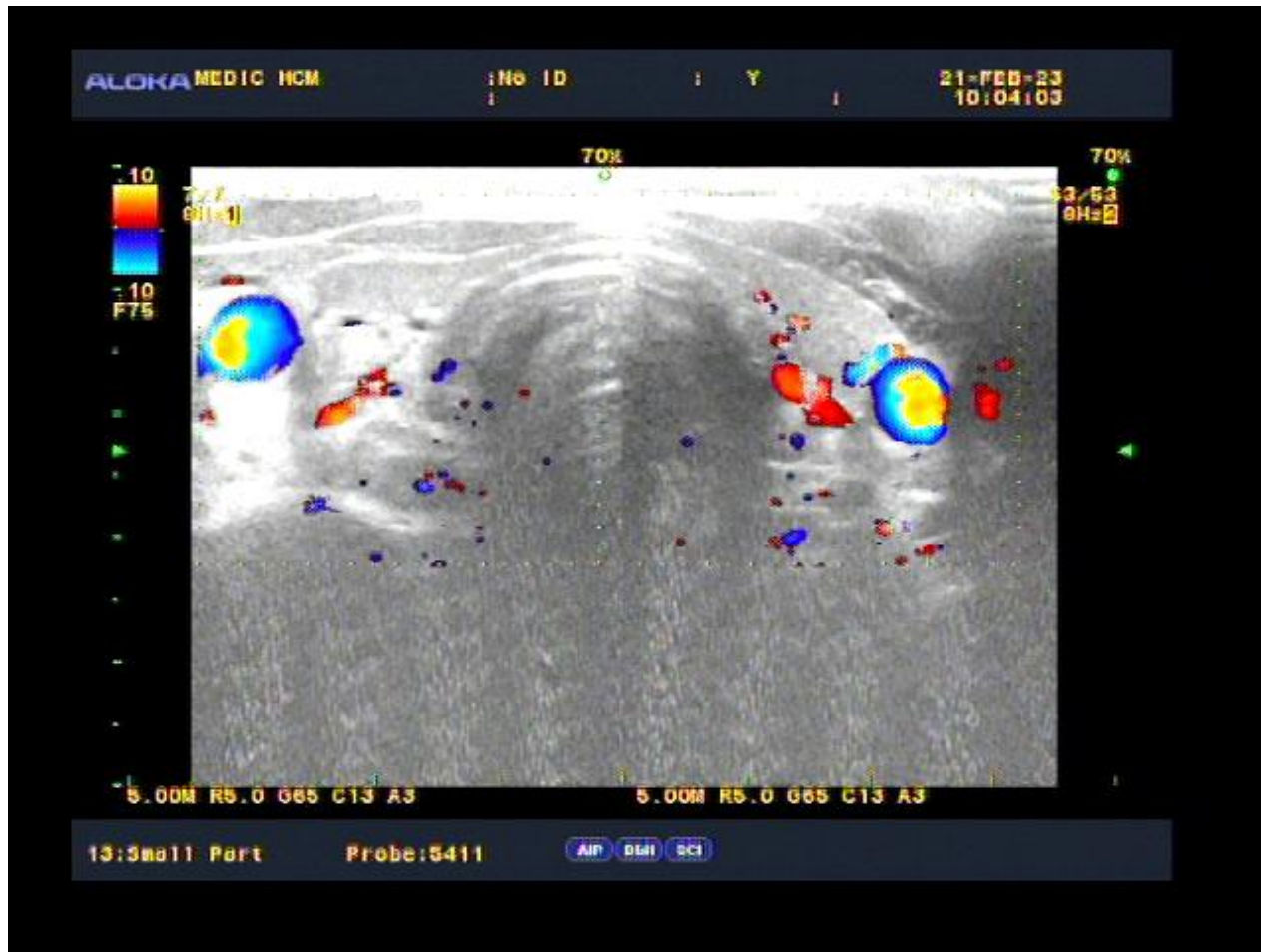
Siêu âm bụng



SIÊU ÂM



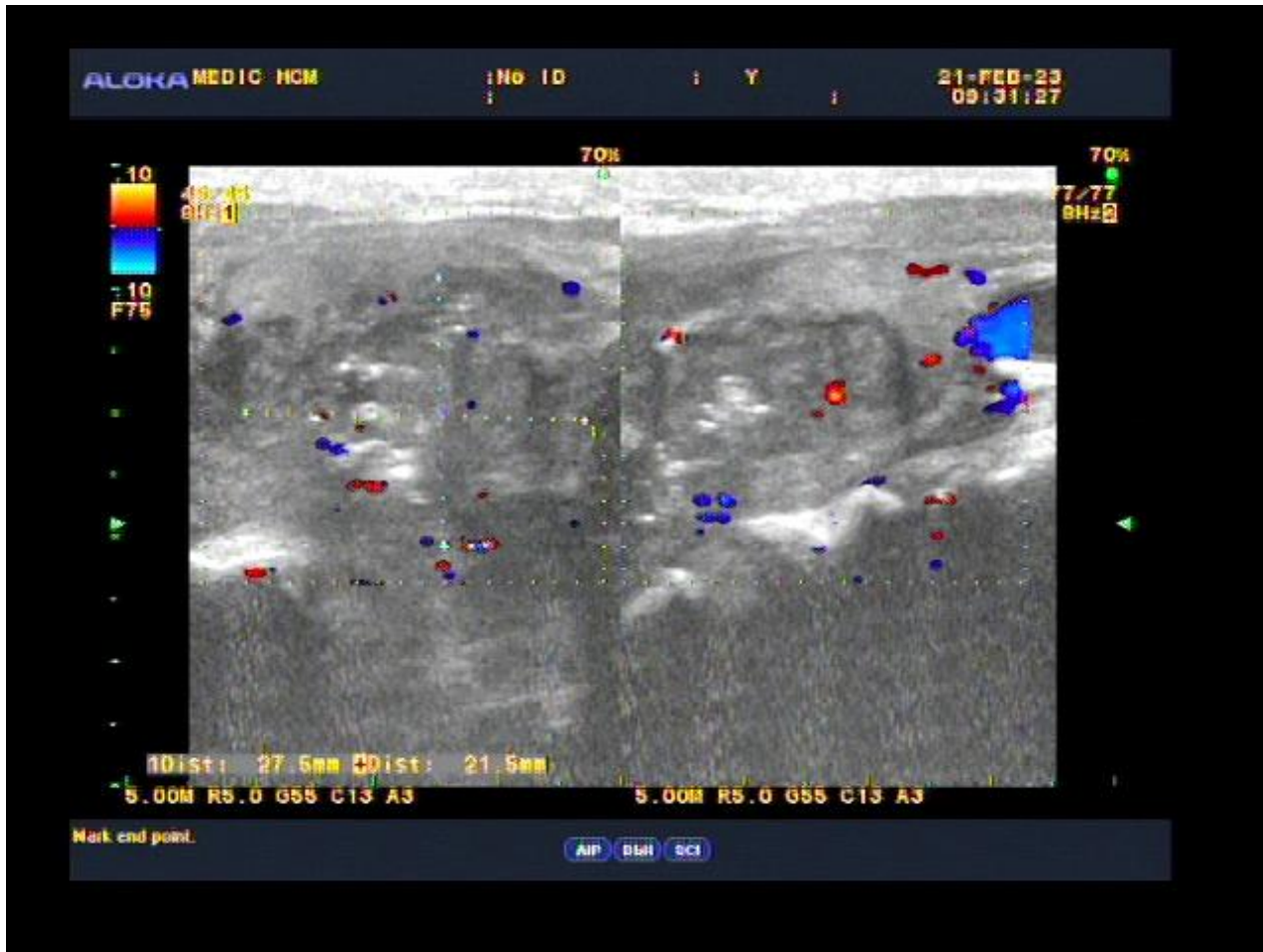
TT



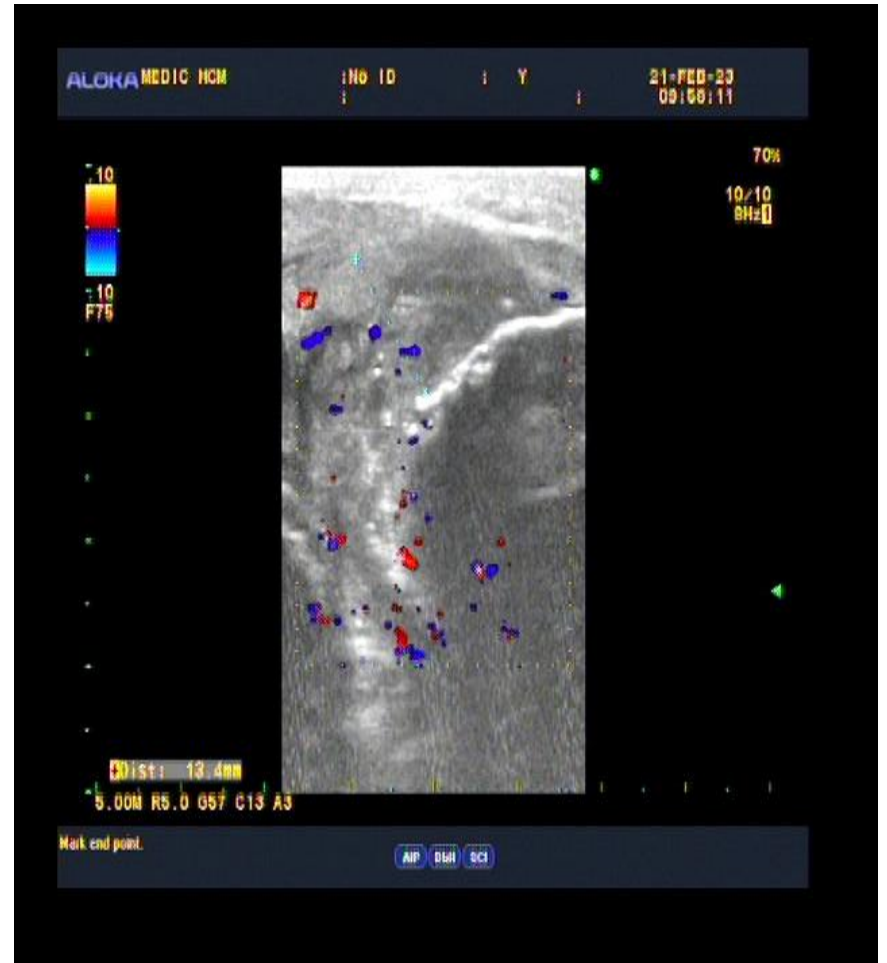
TT



TT



TT



HẠCH CỔ P



TT



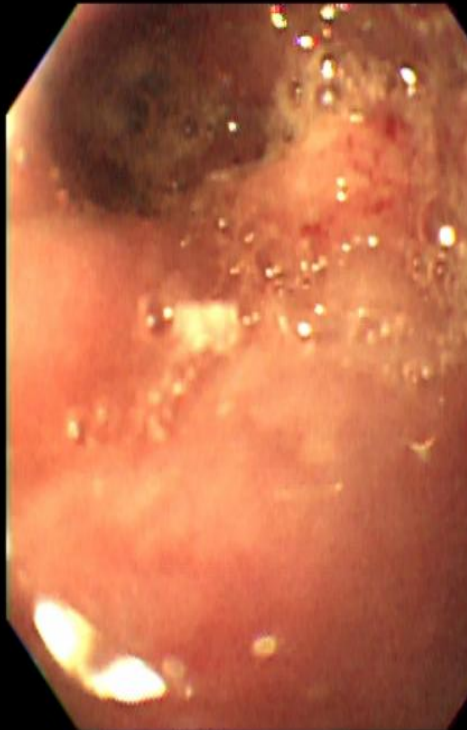
NỘI SOI



2023/02/21
11:28:13

SCV: 1

Gr:N Et:A1



MEDIC

2023/02/21
11:28:19

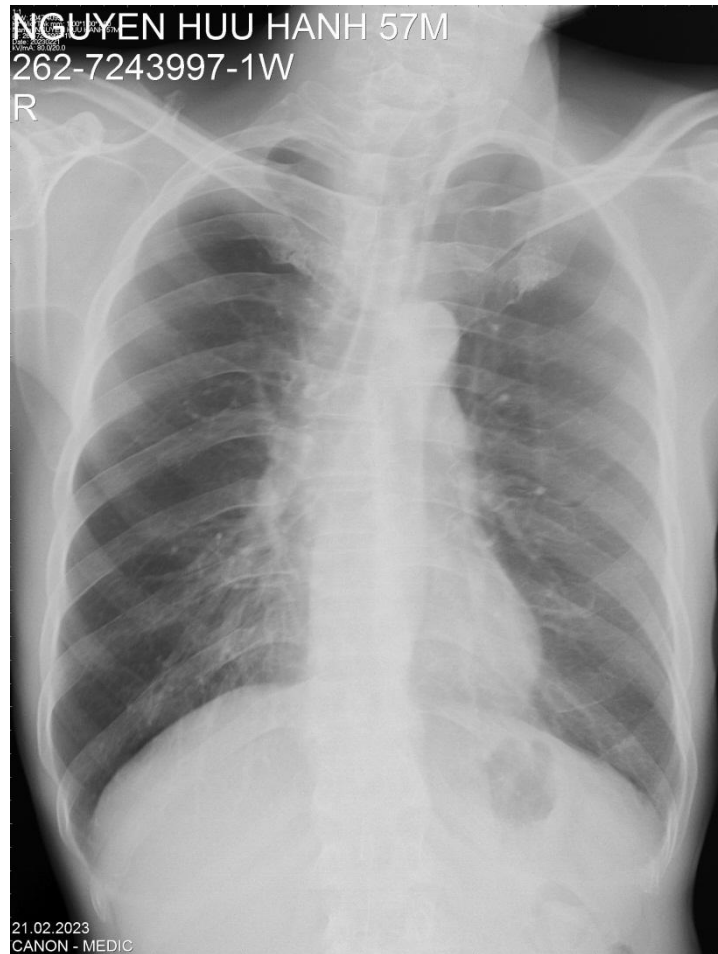
SCV: 1

Gr:N Et:A1



MEDIC

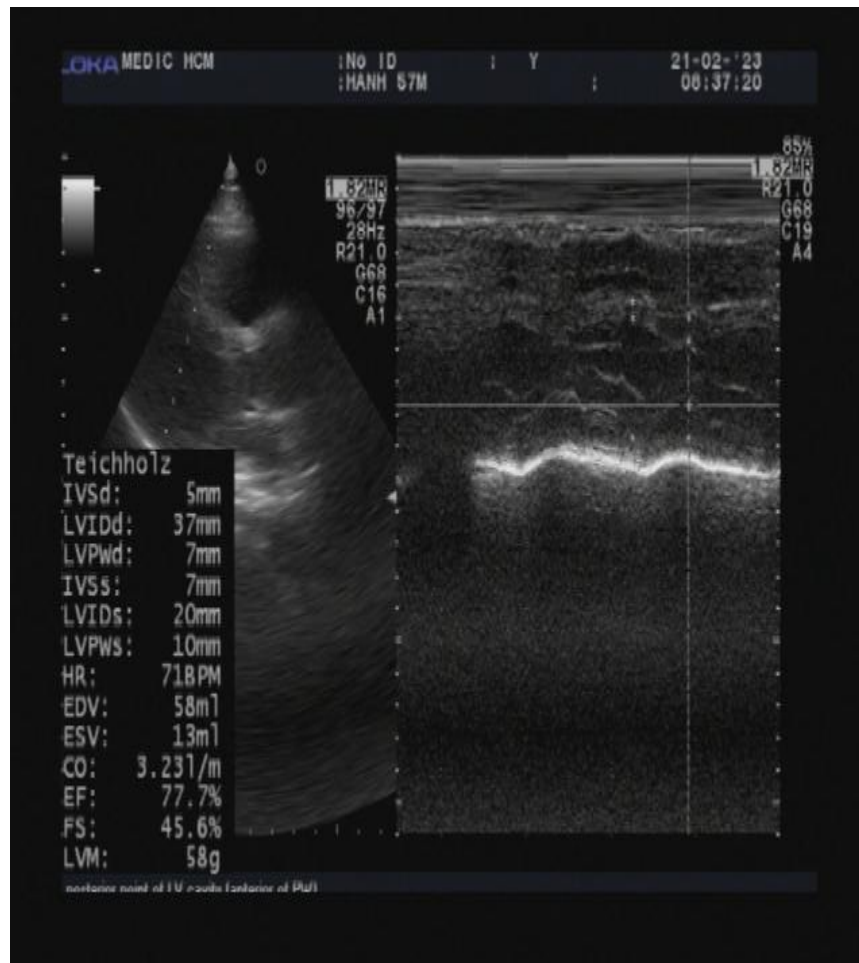
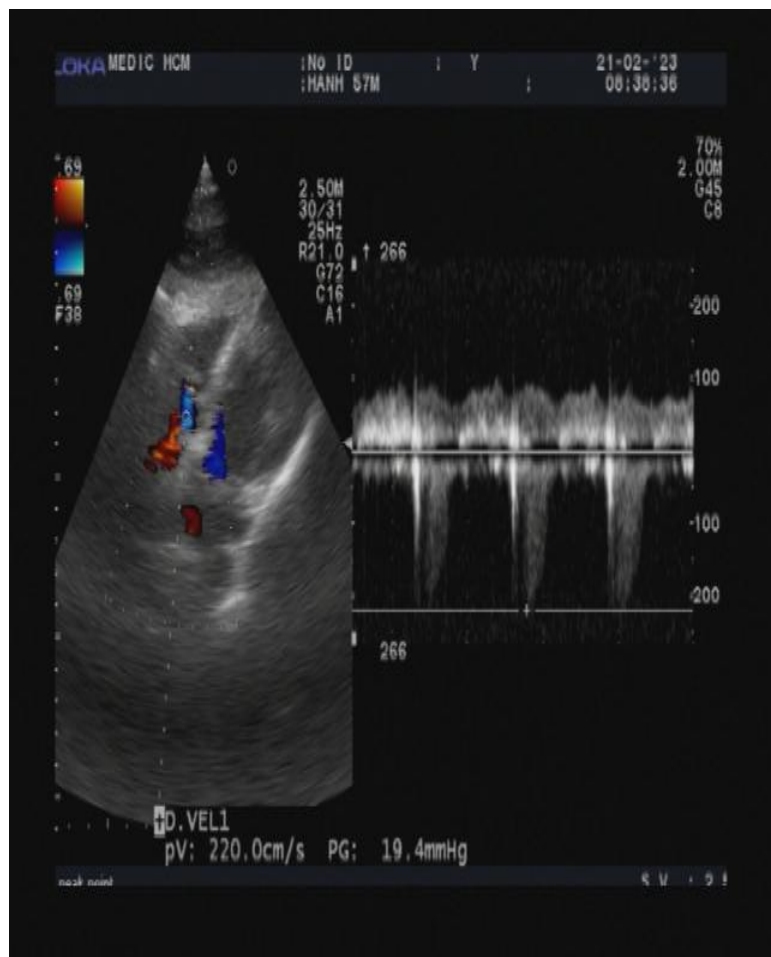
X P PHỔI (vẹo cột sống ngực, tim phổi không có bất thường)



ECG (T dẹt / D3)



SIÊU ÂM TIM



Kết luận



- THEO DÕI BỆNH TIM THIẾU MÁU CỤC BỘ
HỞ VAN 2 LÁ 1/4,
THẤT TRÁI BẢO TỒN CHỨC NĂNG TÂM THU

XÉT NGHIỆM MÁU



TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU
HUYẾT HỌC / ĐỒNG MÁU - HEMATOLOGY / COAGULATION		
WBC (C.B.C)(CÔNG THỨC MÁU)¹		
WBC	11.2 H	(4.0 - 10.5) 10 ⁹ /L
% Neu	79.9	(40 - 74 %)
% Lym	11.1	(19 - 48 %)
% Mono	7.8	(3 - 9 %)
% Eos	0.8	(0 - 7 %)
% Baso	0.4	(0 - 1.5 %)
# Neu	9.0 H	(1.7 - 7.0) 10 ⁹ /L
# Lym	1.2	(1.0 - 4.0) 10 ⁹ /L
# Mono	0.9	(0.1 - 1.0) 10 ⁹ /L
# Eos	0.1	(0 - 0.5) 10 ⁹ /L
# Baso	0.0	(0 - 0.2) 10 ⁹ /L
RBC	4.12	(3.80 - 5.60) 10 ¹² /L
Hb	14.3	(12.0 - 18.0) g/dL
Hct	41.8	(35 - 52 %)
MCV	101.5 H	(80 - 97 fL)
MCH	34.9 H	(26 - 32 pg)
MCHC	34.3	(31 - 36 g/dL)
RDW	13.7	(11.0 - 15.7%)
PLT	350	(150 - 400) 10 ⁹ /L
MPV	7.8	(6.30 - 12.0 fL)
VI SINH/NƯỚC TIÊU/PHÂN ĐÀM/DỊCH - MICROBIOLOGY/URINE/STOOL/SPUTUM/FLUID ANALY.		
URINARY ANALYSIS:		
1) Chemistry (Sinh Hóa):		
Glucose	NEG	(mmol/L)
Ketone	NEG	(mmol/L)
Bilirubin	NEG	(μmol/L)
Urobilinogen	NEG	(μmol/L)
Color	Yellow	
Clarity	Clear	

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CH
Spe-Gravity	1.027	(1.005-1.030)
pH	6.0	(4.6-8.0)
Protein	0.3 H	(g/L)
Blood	NEG	(Negative)
Leucocytes	NEG	(Negative)
Nitrite	NEG	(Negative)
2) Urine Sediment (Cặn Lắng):		
Red Blood Cells	9	(0 - 15)
Leucocytes	10	(0 - 15)
Calcium oxalate monohydrate	0	(0 - 6)
Calcium oxalate dihydrate	0	(0 - 6)
Amor.Phosphate	0	(0 - 6)
Uric acid	0	(0 - 6)
Casts	0	(0 - 6)
Epithelial Cells	0	(0 - 10)
Bacteria	10	(0 - 130)
I. SINH HOÁ - BIOCHEMISTRY		
Glucose (mmol/L) (FPG) ¹	5.93 H	(4.10 - 5.90 mmol/L)
Glucose (mg/dL)	106.7 H	(73.8 - 106 mg/dL)
Uric Acid/Serum ¹	7.07 H	(M: 3.4 - 7.0; F: 2.4 - 5.7 mg/dL)
hs CRP	112.6 H	(≤ 3 mg/L)
Độ Lọc Cầu Thận (CKD-EPI)	*	
Creatinin/Serum ²	0.875	(M: 0.6 - 1.3; F: 0.5 - 1.1 mg/dL)
eGFR (CKD-EPI)	100	(≥ 90 mL/min/1.73 m ²)
LDL Cholesterol ²	3.08	(<2.59; Ngưỡng: 2.59-4.13 mmol/L)
Triglycerides ¹	0.990	(Ca: 4.14 - 4.91; Rất cao ≥ 4.92)
Cholesterol, Total ¹	4.69	(<1.70; Ngưỡng: 1.70-2.25 mmol/L)
GGT ¹	41.63	(Ca: 2.26 - 5.64; Rất cao ≥ 5.65)
		(Ca: ≥ 6.22)
		(M < 55 U/L; F < 36 U/L)
THỜI GIAN TRẢ KẾT QUẢ TRONG VÒNG:		
- 70 Phút cho xét nghiệm thường qui (Sinh hóa, huyết học...)		
- 100 Phút cho các xét nghiệm thường qui + miễn dịch		
Lấy máu tại nhà: 0707 032 052		
H: High - L: Low		
1. Xét nghiệm đã được công nhận ISO 15189:2022		
2. Xét nghiệm đã tham gia người kiến		
3. (*) KQ đã kiểm tra lần 2 / (***) KQ báo động		
4. KQ chỉ có giá trị trên mẫu xét nghiệm hiện tại		

TT

TÊN XÉT NGHIỆM	KẾT QUẢ	KHOẢNG THAM CHIẾU
SGOT (AST) ¹	31.61	(< 35 U/L)
SGPT (ALT) ¹	14.81	(< 30 U/L)
<i>7. MIỄN DỊCH - IMMUNOLOGY</i>		
TSH u.sensitive (3rd G) ¹	1.03	(0.32 - 5 µIU/ml)
Free T4 ²	1.29	(0.71 - 1.85 ng/dl)
Troponin-T hs (Roche) ¹	6.40	(< 14 ng/L)
HBsAg (Định tính, qualitative) ¹	NEG S/CO 0.419	(Index < 1; S/Co < 1)
Anti HBs (Định lượng, quantitative) ²	58.15 H	(≥ 10 mIU/mL)
Anti HCV (Định tính, qualitative) ¹	NEG S/CO 0.030	(S/Co < 1; Index < 1)
C.E.A ¹	4.64	(< 5 ng/mL)

Thời gian duyệt: 07:34:24 21/02/2023
Người duyệt: ThS.BS.Nguyễn Bảo Toàn


In lần 3 : 11:18:05 21/05/2025
Khoa Xét nghiệm

Toàn

Bvub



Nội dung: **NỘI SOI THỰC QUẢN, DA DÀY, TÁ TRĂNG [KHÔNG SINH THIẾT]**



Miệng thực quản có bثور sủi che lấp, không đưa ống soi vào được, bệnh nhân kích thích nhiều,
SINH THIẾT khó khăn
Thực quản : Không đưa ống soi vào được
Tình mạch thực quản
Đường Z
Tâm vị
Phình vị
Bờ cong lớn
Bờ cong nhỏ
Vùng góc
Hàng vị
Môn vị
Hành tá tràng
D1
D2

KẾT LUẬN : BƯỚU SỬI MIỆNG THỰC QUẢN - NGHIỆC TINH
KẾT HỢP SOI TẠI MŨI HỌNG
ĐỀ NGHỊ : LẤY KẾT QUẢ GIẢI PHẪU BỆNH TẠI QUẦY 10, LẦU 4 NGÀY:28-02-2023
LƯU Ý: TRUNG NGÀY THỨ 7, CHỦ NHẬT VÀ NGÀY NGHỈ LỄ

Ngày 22 tháng 3 năm 2023
Bác sĩ chuyên khoa

tt



Not secure | khambenh.bvungbuou.vn/benhnanh/ketquachitiet/36608566
Cơ quan y tế: FOKKHOE 1076 LHC: 22/02/2023 08:04

Tóm tắt dấu hiệu lâm sàng chính và các xét nghiệm khác:
Quá trình điều trị:
Nhân xét đại thể khi lấy sinh thiết: Miệng thực quản có bướu sùi che lấp, không đưa ống soi vô được, bệnh nhân kích thích nhiều, SINH THIẾT khó khăn
Kết quả sinh thiết trước (nếu có):
Chẩn đoán lâm sàng: BƯỚU SỤI MIỆNG THỰC QUẢN - NGHĨ ẮC TÍNH

II. KẾT QUẢ SINH THIẾT:
Người pha bệnh phẩm: THÁI ANH TỬ Pha ngày: 23/02/2023
Số mảnh: Phương pháp nhuộm: Hematoxylin-Eosin Người làm tiêu bản: THÁI ANH TỬ

- Nhận xét đại thể:
- Nhận xét vi thể:
- Chẩn đoán giải phẫu bệnh:
CARCINÔM TẾ BÀO GIÀ, GRAD 2 (SQUAMOUS CELL CARCINOMA)
- Sự phù hợp với chẩn đoán lâm sàng:

III. KẾT LUẬN:

Trà ngày 27 tháng 2 năm 2023 Ngày 22 tháng 2 năm 2023
Bác sĩ đọc kết quả Bác sĩ điều trị
NGUYỄN QUỐC DŨNG MAI THẾ KHAI